

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **234/2024/HSPT**

Ngày: 30-12-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Thông Kbuôr

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Công Bình – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 248/2024/HSPT ngày 02/12/2024, đối với các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V, Nguyễn Hồng T1 do có kháng cáo của các bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **PHAN THỊ NGỌC H**; Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1976, tại: Tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Số F T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Quang H1 (đã chết), con bà: Nguyễn Thị C (đã chết); Bị cáo có chồng là Phan Đức P, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và 02 người con sinh năm 1997, 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Phan Thị Ngọc H bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2023 đến ngày 24/11/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, từ ngày 24/11/2023 cho đến nay. Vắng mặt tại phiên tòa.

2./ Họ và tên: **PHAN THỊ MAI T**; Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1978, tại: Tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Số A N, tổ C, khu phố H, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn C1 (đã chết), con bà: Nguyễn Thị S (đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972 và 02 người con sinh năm 2002, 2007; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo Phan

Thị Mai T bị bắt tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023. Vắng mặt tại phiên tòa.

3./ Họ và tên: **TRẦN ĐIỆP**; Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1983, tại: Tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm S, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1954, con bà: Bùi Thị T2 (đã chết); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị T3, sinh năm 1983 và 03 người con sinh năm 2003, 2006, 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 01/11/2017, bị Công an huyện T, tỉnh Nghệ An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24 ngày 29/12/2017 về hành vi vận chuyển trái phép pháo nổ, phạt tiền: 7.500.000 đồng, đã chấp hành xong việc nộp phạt ngày 04/01/2024.

- Ngày 12/8/2018, bị Công an huyện Y, tỉnh Nghệ An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 168, phạt tiền: 5.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Đ bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, từ ngày 01/11/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

4./ Họ và tên: **ĐẶNG TRỌNG V**; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1983, tại: Tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm A, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Trọng C2, sinh năm 1952, con bà: Thái Thị L, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983 và 04 người con sinh năm 2008, 2011, 2015, 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/9/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành hình phạt tù vào ngày 02/8/2003. Đã được xóa án tích

Bị cáo Đặng Trọng V bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, từ ngày 01/11/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa

5./ Họ và tên: **NGUYỄN HỒNG T1**; Sinh ngày 25 tháng 5 năm 1975, tại: Tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Số A N, tổ C, khu phố H, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H2 (đã chết), con bà: Phạm Thị L1 (đã chết); Bị cáo có vợ là Phạm Thị Thúy H3, sinh năm 1983 và 02 người con sinh năm 2007, 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 20/5/2000, có hành vi Cố ý gây thương tích, Công an thị xã Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14 ngày 04/7/2000, phạt tiền: 200.000 đồng, đã chấp hành xong việc nộp phạt ngày 05/7/2000.

Bị cáo Nguyễn Hồng T1 bị bắt tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Ngọc H có quen biết với Phan Thị Mai T và em bên chồng của T là Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1975, cùng trú tại phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; Trần Đ, sinh năm 1983 và Đặng Trọng V, sinh năm 1983, cùng trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, là phụ xe và lái xe của nhà xe Q, chạy tuyến Nghệ An – Vũng Tàu, do ông Thái Văn K, sinh năm 1983, làm chủ.

Đầu năm 2022, Phan Thị Ngọc H biết Phan Thị Mai T có nguồn hàng thuốc lá điều nhập lậu được mua từ cửa khẩu L4, huyện H, tỉnh Quảng Trị, nên H đã liên hệ với T để mua thuốc lá điều nhập lậu chuyển vào tỉnh Đắc Lắc bán lại kiếm lời. Quá trình đến tỉnh Quảng Trị nhập hàng thì H làm quen với bà Mai Thị B, sinh năm 1984, trú tại Tổ A, khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; bà Lê Thị B1, sinh năm 1957, trú tại phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, là các cá nhân bán thuốc lá điều nhập lậu, nên H đã liên hệ để mua thuốc lá điều nhập lậu, cụ thể:

Ngày 25/5/2023 và ngày 26/5/2023, Phan Thị Ngọc H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, gắn sim số 0846.117.274 để gọi đến số điện thoại 0906.537.886 của Phan Thị Mai T để mua 04 thùng thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet với số lượng 286 cây (2860 bao), mua của bà Mai Thị B 74 cây (740 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet. H gọi điện thoại vào số 0942.405.009 của Nguyễn Hồng T1 và thuê Nguyễn Hồng T1 lấy 70 cây (700 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet của bà Lê Thị B1; 22 cây (220 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet của bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970, trú tại thị trấn Á, huyện T, tỉnh Quảng Trị và 76 cây (760 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet của một số người chưa rõ nhân thân lai lịch.

Ngày 26/5/2023, Phan Thị Ngọc H nhờ chị Phan Thị Ngọc T5 (con gái ruột của H) sử dụng số tài khoản 222010988888, mang tên Phan Thị Ngọc T5, được mở tại ngân hàng Q1, chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho Phan Thị Mai T để trả 286 cây thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet mà H đã mua của T, số tiền 50.622.000 đồng (177.000 đồng/cây), số tiền còn dư, H nói T giữ lại để mua một số mặt hàng tạp hóa như bánh kẹo, kem đánh răng rồi gửi vào cho H để bán kiếm lời. Số tiền mua thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet của bà Lê Thị B1, Mai Thị B, tiền công vận chuyển và tiền nhờ Nguyễn Hồng T1 mua thuốc lá điều nhập lậu của những người khác thì Phan Thị Ngọc H chưa thanh toán.

Sau khi đã mua được 528 cây (5280 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet, H gọi điện vào số điện thoại 0977.686.037 của Đặng Trọng V và số điện thoại

0971.788.488 của Trần Đ (là nhân viên của nhà xe Q, chạy tuyến Nghệ An – thành phố Hồ Chí Minh, biển số 61B-028.32), để thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ tỉnh Quảng Trị vào tỉnh Đắk Lắk; do nhiều lần được bị cáo H thuê vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu nên V và Đ đồng ý vào báo giá cước vận chuyển là 450.000 đồng/thùng thì H đồng ý. Đ và V yêu cầu H phải đi cùng trên xe để tránh trường hợp bị lực lượng chức năng phát hiện thì H phải chịu trách nhiệm thay cho V và Đ. H đồng ý nên gọi điện thoại đến số 0962.567.677 của ông Thái Văn K – chủ nhà xe Q để đặt vé xe khách từ thành phố B đi tỉnh Quảng Trị với mục đích đi theo các thùng hàng thuốc lá điều nhập lậu từ tỉnh Quảng Trị về lại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến 12 giờ ngày 26/5/2023, H lên xe Q2 tại siêu thị G, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để đi đến tỉnh Quảng Trị. Quá trình đi xe, H gọi điện cho T1, T và bà Mai Thị B dặn đón xe Quang Khanh đi từ tỉnh Nghệ An vào để gửi các thùng hàng thuốc lá điều nhập lậu cho H nên T1 đã liên hệ với Trần Đ để hẹn thời gian xe đến Quốc lộ A, thuộc địa phận thị xã Q, tỉnh Quảng Trị thì T1, T và bà B vận chuyển thuốc lá điều ra gửi theo xe.

Trong ngày 26/5/2023, Phan Thị Ngọc D, sinh năm, trú tại thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (là chị ruột của Phan Thị Ngọc H), khi biết H đang đi xe khách đến tỉnh Quảng Trị để mua thuốc lá điều nhập lậu và thuê xe khách Quang Khanh để vận chuyển hàng về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì D đã sử dụng điện thoại Nokia, màu đen và điện thoại Oppo, màu vàng (gắn 02 sim số 0971.617.970, 0702.327.064 và 01 sim không nhớ số điện thoại) để liên hệ mua 74 cây (740 bao) thuốc lá điều nhập lậu của bà Mai Thị B, 73 cây (730 bao) của bà Lê Thị B1, 73 cây (730 bao) của bà H4 (không xác định được lai lịch), tổng số 220 cây (2200 bao) thuốc lá điều nhập lậu. D nói với bà B1, bà B và bà H4 đón xe khách Quang K1 biển số 61B-028.32 tại khu vực cầu trắng, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, gửi vào tỉnh Đắk Lắk cho D. Sau đó, D trả tiền 01 thùng thuốc lá điều nhập lậu cho bà Mai Thị B qua hình thức chuyển khoản số tiền 12.950.000 đồng vào số tài khoản 3909205209000, mang tên Mai Thị B, mở tại Ngân hàng A1. D gọi điện cho Phan Thị Ngọc H, nhờ H nhận và trả tiền cước 03 thùng thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet mà D gửi trên xe Quang Khanh và khi nào xe gần đến thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thì gọi cho D để D thuê người ra nhận hàng thuốc lá điều nhập lậu. Khoảng 20 giờ cùng ngày, D gọi vào số điện thoại 0947.582.849 của Phan Quang H5, sinh năm 1975, trú tại Thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (là em ruột của D và H) và thuê H5 sáng ngày 27/5/2023 đến cây xăng số F, đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để nhận 03 thùng hàng thuốc lá điều nhập lậu, D trả công vận chuyển cho H5 300.000 đồng/chuyến, thì H5 đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ ngày 26/5/2023, Nguyễn Hồng T1 sử dụng xe ô tô 47D-002.52 (là xe Thắng thuê của ông Hồ Xuân L2, trú tại Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị) để chở 05 thùng thuốc lá điều nhập lậu (bao gồm 01 thùng của bà B1, 03

thùng của bà T và 01 thùng của bà H4, tổng cộng 388 cây (3880 bao) thuốc lá điều nhập lậu), đến Quốc lộ A, thuộc khu vực cầu trắng, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, gửi cho xe khách Quang Khanh biển số 61B-028.32, cùng lúc đó, Phan Thị Mai T điều khiển xe mô tô biển số 37U-0207 (T mượn của một người không rõ lai lịch), chở đến 01 bao xác rắn chứa 66 cây (660 bao) thuốc lá điều nhập lậu và bà Mai Thị B chở đến 02 thùng, mỗi thùng chứa 74 cây (740 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet để gửi theo xe khách. Tại đây, Đ, T, T1 và bà Mai Thị B cùng nhau bốc các thùng thuốc lá điếu nhập lậu lên xe khách. Sau đó, xe khách Quang Khanh biển số 61B-028.32 xuất phát từ thị xã Q, tỉnh Quảng Trị đi thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi đến địa phận tỉnh Quảng Nam thì Phan Thị Ngọc H lên xe khách Quang K1 biển số 61B-028.32 để đi cùng với các thùng thuốc lá điều nhập lậu như đã thỏa thuận từ trước.

Khi xe khách Quang K1 biển số 61B-028.32, đi đến địa phận tỉnh Gia Lai thì H trả tiền cước vận chuyển 10 thùng thuốc lá điều nhập lậu (07 thùng của H và 03 thùng của D) gửi trên xe, 03 thùng nợ từ chuyến trước, tiền vé xe khách và cho thêm lái xe số tiền 200.000 đồng cho Trần Đ với tổng số tiền 6.800.000 đồng. Khi xe đến thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thì H gọi điện thông báo cho D biết; sau đó H gọi điện vào số điện thoại 0935.941.020 của Phạm Ngọc D1, sinh năm 1983, trú tại D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Phạm Ngọc A, sinh năm 1985, trú tại Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là tài xế xe taxi Quyết Tiến), đến cây xăng dầu số F, đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để nhận và vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu cho H. Đồng thời, H dùng số điện thoại 0933.543.682 gọi vào số điện thoại 0905.381.971 cho ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1971, trú tại 5 Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là người mua thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet của H và hẹn ông T6 04 giờ sáng ngày 27/5/2023, đến cây xăng số F, đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để chờ nhận hàng thuốc lá điều nhập lậu.

Khoảng 04 giờ sáng ngày 27/5/2023, xe khách Quang Khanh biển số 61B-028.32 đến cây xăng số F, đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì Phan Quang H5 điều khiển xe mô tô biển số 47L3-5408 đến và nhận 03 thùng giấy chứa 220 cây (2200 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet để đi giao cho người mua và chở đi giao cho Phan Thị Ngọc D. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Phan Quang H5 trên đường vận chuyển 03 thùng đựng thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet thì bị tổ công tác của Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang, tạm giữ 03 thùng đựng số lượng 220 cây (2200 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet.

Khoảng 04 giờ 45 phút ngày 27/5/2023, xe khách Quang Khanh biển số 61B-028.32, đến cây xăng dầu F, đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phan Thị Ngọc H xuống xe và giao cho ông Nguyễn Văn T6 01 bao hàng màu xanh, bên trong có 66 cây (660 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet. Sau đó, Phạm Ngọc D1 điều khiển xe ô tô biển số 47A-188.22 vào cây xăng dầu 66 còn Phạm Ngọc A điều khiển

xe ô tô biển số 47A-171.45 dừng xe bên ngoài chờ. Khi ông T6 đang chất hàng lên xe mô tô biển số 47N6-8866, còn Phạm Ngọc D1 cùng Trần Đ đang bê các thùng hàng chứa thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet lên xe ô tô biển số 47A-188.22 của D1 thì lực lượng Công an tỉnh Đ bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang đã tiến hành tạm giữ 528 cây (5280 bao) thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet. (BL: 662-665; 701-703; 749-753; 797-799; 848-851; 909-911; 948-950; 996-997; 1049-1050)

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Phan Thị Ngọc H khai nhận đã bán thuốc lá điều nhập lậu bà Hà Thị T7, sinh năm 1972, trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà Võ Thị N, trú tại: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Phan Thị Ngọc D khai nhận đã bán thuốc lá điều nhập lậu cho bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1953, trú tại F L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các lời khai của những người liên quan và các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiến hành:

Khám xét nhà Phan Thị Ngọc H thu giữ **100** bao thuốc lá điều nhãn hiệu CRAVEN “A”;

Khám xét nhà bà Hà Thị T7, sinh năm 1972, trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thu giữ **20** bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO;

Khám xét nhà ông Nguyễn Thế L3, sinh năm 1962; trú tại: Thôn E, xã H, thành phố B, cùng vợ là Võ Thị N thu giữ **100** bao thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE;

Khám xét nhà bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1953, trú tại F L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thu giữ **220** bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET và **60** bao thuốc lá “555”;

Khám xét nhà bị cáo Phan Thị Mai T thu giữ **800** bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet.

Tại bản kết luận giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số 109/QĐ-CSKT, ngày 31/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ kết luận: **2.200** bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET; **220** bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET; **60** bao thuốc lá điều nhãn hiệu 555, nguồn gốc, xuất xứ không sản xuất tại Việt Nam (là hàng nhập lậu). (BL: 354-355)

Tại bản kết luận giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số 110/QĐ-CSKT, ngày 31/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ kết luận: **5.280** bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET; **100** bao thuốc lá điều nhãn hiệu CRAVEN “A”; **20** bao thuốc lá điều nhãn hiệu HERO; **100** bao thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE SPECIAL GOLD; **800** bao thuốc lá điều nhãn hiệu JET, nguồn gốc, xuất xứ không sản xuất tại Việt Nam (là hàng nhập lậu). (BL: 356-357).

Bản án hình sự sơ thẩm số 246/2024/HS-ST ngày 28/8/2024, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phan Thị Ngọc H 08 (T8) năm** tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2023 đến ngày 24/11/2023.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phan Thị Mai T 05 (Năm) năm** tù “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đ 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng** tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023.

Xử phạt bị cáo **Đặng Trọng V 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng** tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng T1 02 (H6) năm** tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử đối với các bị cáo khác, và xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Các ngày 06, 09, 10, 11/9/2024, các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Hồng T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V và Nguyễn Hồng T1 - Giữ nguyên quyết định của bản án Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phan Thị Ngọc H và Phan Thị Mai T có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không có tài liệu gửi kèm về lý do vắng mặt. Xét việc vắng mặt của các bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có mặt đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Riêng bị cáo Phan Thị Mai T, trong đơn kháng cáo bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ bán 2860 bao thuốc lá điều nhập lậu cho bị cáo Phan Thị Ngọc H, còn 800 bao thuốc lá thu giữ được tại nhà bị cáo là của chị gái bị cáo gửi nhờ. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại Biên bản khám xét nhà riêng của bị cáo, lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan Điều tra, bị cáo khai số lượng 800 bao thuốc lá điều thu giữ trong nhà kho của bị cáo là do bị cáo nhập về để bán cho những người khác nhưng chưa bán được. Kết luận điều tra và Cáo trạng đều xác định bị cáo buôn bán tổng cộng 3.660 bao thuốc lá điều nhập lậu, gồm 2.860 bao bán cho Phan Thị Ngọc H và 800 bao thu giữ tại nhà của bị cáo nhưng bị cáo cũng không có ý kiến gì. Do đó, lời trình bày của bị cáo trong đơn kháng cáo về số lượng thuốc lá điều mà bị cáo đã buôn bán là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, Phan Thị Ngọc H đã buôn bán tổng cộng 5.380 bao thuốc lá điều nhập lậu (Trong đó: 5.280 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu JET thu giữ qua việc bắt quả tang và 100 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu CRAVEN “A” Thu giữ khi khám xét tại nhà của bị cáo). Bị cáo Phan Thị Mai T buôn bán tổng cộng 3.660 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm bán cho Phan Thị Ngọc H 2.860 bao, thu giữ tại nhà bị cáo 800 bao thuốc lá nhãn hiệu JET). Phan Thị Ngọc D mua tổng cộng 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu JET để bán kiếm lời.

Nguyễn Hồng T1 vận chuyển tổng cộng 3.880 bao thuốc lá điều nhập lậu đến Quốc lộ A, thuộc địa phận thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, để giao cho Trần Đ và Đặng Trọng V vận chuyển tổng cộng 7.480 bao thuốc lá điều nhập lậu từ tỉnh Quảng Trị vào thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 27/5/2023, Phan Quang H5 được Phan Thị Ngọc D thuê vận chuyển tổng cộng 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu; Phan Thị Ngọc H thuê Phạm Ngọc D1 vận chuyển tổng cộng 2.200 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Jet thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, bắt quả tang.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Phan Thị Ngọc H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 BLHS, bị cáo Phan Thị Mai T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 190 BLHS, các bị cáo Trần Đ, Đặng Trọng V về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 BLHS, bị cáo Nguyễn Hồng T1 về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 190 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Phan Thị Ngọc H và Phan Thị Mai T đều là người chủ động mua thuốc lá điều nhập lậu từ Quảng Trị về để bán kiếm lời. Bị cáo Phan Thị Ngọc H buôn bán tổng cộng 5.380 bao thuốc lá điều, Phan Thị Mai T buôn bán tổng cộng 3.660 bao thuốc lá điều. Các bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS là thành khẩn khai báo nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 08 năm tù, xử phạt bị cáo T 05 năm tù - đều khung hình phạt là khoan hồng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đối với các bị cáo Trần Đ và Đặng Trọng V có hành vi vận chuyển 5.380 bao thuốc lá điều nhập khẩu từ Quảng Trị về Buôn M để hưởng lợi, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Đ cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị cáo cung cấp thông tin giúp Công an phát hiện hành vi phạm tội của các đối tượng buôn bán hàng cấm, bị cáo Đặng Trọng V cung cấp tài liệu thể hiện bố bị cáo mắc bệnh tâm thần, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, hội đồng xét xử xét thấy tại điểm b khoản 3 Điều 191 BLHS quy định vận chuyển thuốc lá điều nhập lập 4.500 bao trở lên thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Bị cáo Đ, V mỗi bị cáo bị cấp sơ thẩm phạt 05 năm 03 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đối bị cáo Nguyễn Hồng T1 có hành vi vận chuyển 3.880 bao thuốc lá điều nhập khẩu. Điểm b khoản 2 Điều 191 BLHS quy định: vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Bị cáo bị cấp sơ thẩm xử phạt 02 (Hai) năm tù là có phần nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo trình bày bị cáo có con bị khuyết tật nặng, hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên mức hình phạt nêu trên đã là nhẹ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V, Nguyễn Hồng T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V, Nguyễn Hồng T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 246/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phan Thị Ngọc H** 08 (T8) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2023 đến ngày 24/11/2023.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phan Thị Mai T** 05 (Năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Đ** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Trọng V** 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2023 đến ngày 01/11/2023.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng T1** 02 (H6) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/5/2023 đến ngày 05/6/2023.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phan Thị Ngọc H, Phan Thị Mai T, Trần Đ, Đặng Trọng V, Nguyễn Hồng T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HS nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng;

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường